

Bản án số: 717/2022/DS-PT

Ngày: 30/11/2022

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Châu

Các thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hương

Ông Uông Văn Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Anh – Thư ký Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 30/11/2022 tại trụ sở Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 255/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022, về việc: *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1104/2022/DS-ST ngày 22/6/2022 của Tòa án Nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1536/2022/QĐPT-DS ngày 17/10/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 2326/2022/QĐ-PT ngày 10/11/2022 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn M**

Địa chỉ: Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phan Thành T.** (có mặt)

Địa chỉ: Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1 Bà Đinh Thị Ngọc P

2.2 Ông Lê Văn N. (có đơn vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P và ông N:

- Ông **Lê Trọng K** (có mặt)

Địa chỉ: Số 54H Yên Đỗ, Phường 1, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông **Phan Trọng H4** (có đơn vắng mặt)

Địa chỉ: Số 541/17/2C tỉnh lộ 10, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bà **Đinh Thị Ngọc P**, ông **Lê Văn N**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện ngày 19/8/2019, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn M, có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thành T trình bày:***

Do có quan hệ quen biết làm ăn từ trước nên ông Nguyễn Văn M có cho vợ chồng bà Đinh Thị Ngọc P vay nợ số tiền như sau:

Ngày 13/7/2010 cho vay 45.000.000 đồng, không lãi suất. Thời hạn vay từ ngày 13/7/2010 đến ngày 13/4/2011.

Ngày 15/01/2013 cho vay 100.000.000 đồng, lãi suất 20.000.000 đồng / năm. Thời hạn vay là 12 tháng.

Ngày 27/3/2014 cho vay 300.000.000 đồng. Hạn chót trả nợ là ngày 31/12/2015.

Ngày 30/6/2016 cho vay 2.200.000.000 đồng. Hạn chót trả nợ là ngày 30/12/2016.

Ngày 31/10/2018, ông M và bà P có lập giấy xác nhận nợ với nội dung là bà P còn thiếu ông M số tiền nợ gốc là 2.200.000.000 đồng. Tuy nhiên, cho đến nay bà Đinh Thị Ngọc P không trả lại số tiền nợ là 2.200.000.000 đồng cho nguyên đơn. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, ông Nguyễn Văn M khởi kiện yêu cầu Tòa án Nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Minh buộc bà Đinh Thị Ngọc P và chồng là ông Lê Văn N trả số tiền nợ gốc là 2.200.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 01/4/2021 với lãi suất 1%/tháng với số tiền là 638.000.000 đồng. Số tiền này trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**** Bị đơn là bà Đinh Thị Ngọc P và ông Lê Văn N, ông N và bà P ủy quyền cho ông Lê Trọng K trình bày:***

Bà Đinh Thị Ngọc P và ông Nguyễn Văn M là hai bên thông gia với nhau, chính vì vậy mà ông M có cho bà P vay tiền nhiều lần, bắt đầu từ năm 2010 và lần cuối vay là ngày 30/6/2016, cụ thể như sau:

Ngày 17/3/2010 vay 45 triệu đồng và bà P đã trả đủ cho ông M.

Ngày 15/01/2013 vay số tiền 100 triệu đồng và bà P đã trả đủ cho ông M.

Ngày 27/3/2014 bà P và ông N vay số tiền 300 triệu đồng và bà P ông N đã trả đủ cho ông M.

Ngày 30/6/2016 bà P và ông M ký Hợp đồng vay tiền có thể chấp bằng Quyền sử dụng đất với tiền gốc 1.200.000.000 đồng. Sau đó ông M cộng lãi suất các khoản vay của bà P là 1.000.000.000 đồng, do đó ông M tự sửa viết bằng tay thành con số 2.200.000.000 đồng.

Ngày 31/10/2018 bà P có trả cho ông M 1.000.000.000 đồng và ông M cho rằng số tiền này là tiền lãi. Bà P cho rằng đây là nợ cá nhân của bà, không liên quan gì đến chồng của bà là ông Lê Văn N. Vì ông N và bà P không sử dụng tiền chung, tiền làm ra được của ai thì người đó sử dụng không liên quan gì đến nhau.

Bị đơn đề nghị tòa án bác yêu cầu khởi kiện hoặc ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án mà ông Nguyễn Văn M là nguyên đơn và bị đơn là bà Đinh Thị Ngọc P, ông Lê Văn N.

**** Bị đơn ông Lê Văn N đồng ý với lời trình bày trên của Người đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị Ngọc P như sau:***

Ông N cho rằng ông đã trả cho ông M đủ số tiền, những khoản nợ còn lại là của cá nhân bà P ông hoàn toàn không biết. Đề nghị tòa án bác yêu cầu khởi kiện hoặc ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án mà ông Nguyễn Văn M là nguyên đơn và bị đơn là bà Đinh Thị Ngọc P, ông Lê Văn N.

**** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1104/2022/DS-ST ngày 22/6/2022 của Tòa án Nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn M về việc đòi bị đơn – bà Đinh Thị Ngọc P và ông Lê Văn N phải trả lại số tiền nợ gốc và lãi là 2.627.000.000 đồng. Trong đó tiền vốn gốc là 2.200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày 20/6/2022 là 427.000.000 đồng.

Buộc bà Đinh Thị Ngọc P và ông Lê Văn N phải trả cho ông Nguyễn Văn M số tiền 2.627.000.000 đồng. Trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 30/6/2022, bà Đinh Thị Ngọc P và ông Lê Văn N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 1104/2022/DS-ST ngày 22/6/2022 của Tòa án Nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh để xét xử sơ thẩm lại với lý do: Việc vay nợ giữa bà P và ông M là việc cá nhân của bà P, không dùng cho gia đình và không liên quan đến ông M, việc vay số tiền 2.200.000.000 đồng có thể chấp là quyền sử dụng đất chưa được cấp sơ thẩm xem xét toàn diện.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn xác định bà P có vay tiền của nguyên đơn nhiều lần, đến ngày 31/10/2018 hai bên có tính toán chốt nợ là 2,2 tỷ đồng trong đó có khoản tiền của 05 người vay Ph (tên thật là P1), S, H, H1 và P2. Bà P nói vay tiền giúp cho 04 người này, còn thực tế ông M không biết 04 người này là ai. Sau khi chốt nợ ngày 31/10/2018 đến ngày 01/11/2018 mới sửa số tiền vay tại hợp đồng vay tiền ngày 30/6/2016 từ vay 1,2 tỷ thành 2,2 tỷ. Nguyên đơn xác định 2,2 tỷ đồng là tiền gốc, không có tiền lãi. Nguyên đơn xác định chữ ký tại giấy xác nhận nợ ngày 31/10/2018 là của ông M và tại bản chính hợp đồng vay tiền ông M đang giữ có phần viết thêm của bà P về việc xác nhận nợ ngày 01/11/2018. Thời điểm lập hợp đồng vay có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Đinh Thị Ngọc P và ông Lê Văn N phải trả cho ông Nguyễn Văn M số tiền nợ gốc và lãi là 2.627.000.000 đồng (trong đó nợ gốc là 2.200.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 20/6/2022 là 427.771.000 đồng, nhưng nguyên đơn xin làm tròn số tiền lãi là 427.000.000 đồng) như bản án sơ thẩm đã tuyên.

- Đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị Ngọc P trình bày: Bà P chỉ đồng ý trả cho ông M số tiền gốc là 445 triệu đồng phát sinh từ 03 giấy vay, bà P đã trả 1 tỷ đồng cho khoản vay này. Đối với khoảng tiền bà P vay dùm cho Lê Minh T1 (còn gọi là P2), Đinh Văn S, Đinh Thị Mỹ Ph (còn gọi là H1) và Đinh Xuân Ng (còn gọi là H) tổng cộng 350 triệu đồng ông M tính lãi gộp thành 2,2 tỷ đồng. Do đó trong số tiền 1,2 tỷ đồng vay ngày 30/6/2016 là có tiền vay của 04 người nói trên và ông M tính lãi tiếp mới thành 2,2 tỷ đồng. Khi bà P chuộc lại giấy chứng nhận, bà P chỉ nợ gốc và lãi 1,2 tỷ đồng nhưng ông M công thêm tiền 1 tỷ đồng vào mới trả lại giấy chứng nhận nên mới buộc bà P viết xác nhận có nợ ông M tính đến ngày 01/11/2018 là 2,2 tỷ đồng, trong đó có lãi nhận gốc của nhiều khoản vay nên khi xác nhận nợ bà P có ghi tổng cộng nợ gốc và lãi là 2,2 tỷ đồng chứ không phải tiền gốc không như phía ông M

trình bày là không đúng sự thật. Việc thế chấp giấy chứng nhận của bà H3 và việc ghi thêm 01 tỷ đồng để chuộc lại giấy chứng nhận bà H3, bà P và ông M đều biết nhưng Toà án không triệu tập bà H3 lên để đối chất là không làm rõ lời khai của đương sự. Đề nghị Toà án đưa P2 (tên thật là Lê Minh T1 sinh năm 1991), S (tên thật là Đinh Văn S sinh năm 1940), H1 (tên thật là Đinh Thị Mỹ Ph sinh năm 1969) và H (tên thật là Đinh Xuân Ng sinh năm 1966) vào tham gia tố tụng để làm rõ nợ gốc và nợ lãi đã vay của ông M và trách nhiệm trả nợ cho ông M, nếu không trả cho ông M thì phải trả cho bà P nếu bà P nhận trả nợ thay. Do Toà án không triệu tập nên thiếu người tham gia tố tụng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn, xét xử không đúng sự thật vụ án nên đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để xét xử lại theo quy định.

Ngoài ra, bà P cho rằng chỉ mình bà vay tiền của ông M, toàn bộ tiền vay này bà P sử dụng riêng cho mục đích cá nhân, không liên quan ông N nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử tuyên bố nghị án, Thẩm phán chủ tọa, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Về thời hạn kháng cáo:

[1] Ngày 22/6/2022 Tòa án Nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm, ngày 30/6/2022 bị đơn bà Đinh Thị Ngọc P và ông Lê Văn N có đơn kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định, là hợp lệ được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

- Về tố tụng:

[2] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M ủy quyền cho ông Phan Thành T có mặt; Bị đơn bà Đinh Thị Ngọc P và ông Lê Văn N ủy quyền cho ông Lê Trọng K có mặt, ông Phan Trọng H4 có đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

[3] Xét, đơn khởi kiện nguyên đơn ông Nguyễn Văn M yêu cầu bà Đinh Thị Ngọc P và ông Lê Văn N trả tổng số tiền 3.265.000.000 đồng bao gồm gốc và lãi theo 04 giấy vay ngày 13/7/2010, 15/01/2013, 27/3/2014, 30/6/2016. Tại bản khai ngày 20/6/2022 và cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M là ông Phan Thành T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết đối với giấy xác nhận nợ ngày 31/10/2018 với số tiền gốc là 2.200.000.000 đồng với lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 01/01/2019 là nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện so với yêu cầu khởi kiện ban đầu. Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M là ông Phan Thành T xin rút yêu cầu đòi các khoản tiền theo 03 giấy vay ngày 13/7/2010, 15/01/2013, 27/3/2014 nhưng khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ các yêu cầu đã được thụ lý theo nội dung đơn khởi kiện là chưa đúng với quy định tại Điều 244 Bộ Luật Tố tụng Dân sự, chưa đảm bảo quyền kháng cáo của các đương sự đối với yêu cầu này.

[4] Nguyên đơn ông M căn cứ vào giấy xác nhận nợ ngày 31/10/2018 khởi kiện yêu cầu bị đơn bà P, ông N phải trả số tiền vay 2.200.000.000 đồng cho ông M. Các bên xác định việc bà P xác nhận nợ ngày 01/11/2018 căn cứ vào xác nhận nợ của bà P ngày 31/10/2018. Xét, đối với giấy xác nhận nợ ngày 31/10/2018, bà P (hay còn gọi là Ph) và ông M (còn gọi là Cậu Ba) lập văn bản xác nhận: *“Hôm nay ngày 31/10/2018 cậu Ba có nhận của Ph số tiền là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng chẵn). Số tiền này sẽ được trừ vào toàn bộ số tiền lãi năm 2017 và tính đến tháng 9 (Âm lịch) năm 2018 cộng với số tiền nợ của người nhà thiếu chi tiết như bên dưới: 1) Ph thiếu: 940.000.000 đồng (tiền lãi); 2) P2 thiếu: 180.000.000 đồng (gốc); 3) A.S thiếu: 20.000.000 đồng (gốc); 4) H1 thiếu: 50.000.000 đồng (gốc); 5) H thiếu: 50.000.000 đồng (gốc). Tổng nợ: 1.240.000.000 đồng...” (BL 65)*. Như vậy, số tiền lãi 940.000.000 đồng được ghi tại giấy xác nhận ngày 31/10/2018 là tiền lãi của khoản nợ cụ thể nào? của năm nào? có liên quan đến 04 giấy vay ngày 13/7/2010, 15/01/2013, 27/3/2014, 30/6/2016 hay không? có đúng với quy định về lãi suất được quy định tại Bộ Luật Dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao về “hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm” hay không chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xác minh thu thập chứng cứ làm rõ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của bị đơn bà P cho rằng giấy xác nhận nợ ngày 31/10/2018 trong đó có khoản nợ của những người khác nợ của ông M, không phải bà P nợ ông M nên bà P không đồng ý trả nợ thay cho 04 người này, đề nghị tòa án triệu tập và người 04 người này vào tham gia tố tụng để có trách

nhiệm cùng trả nợ cho Mỹ đối với khoản nợ gốc và lãi 2,2 tỷ đồng gồm: P2 (tên thật là Lê Minh T1 sinh năm 1991), S (tên thật là Đinh Văn S sinh năm 1940), H1 (tên thật là Đinh Thị Mỹ Ph sinh năm 1969) và H (tên thật là Đinh Xuân Ng sinh năm 1966). Xét thấy, cần phải đưa Lê Minh T1, Đinh Văn S, H1 Đinh Thị Mỹ Ph và Đinh Xuân Ng là những người có quyền lợi liên quan trong vụ án vào tham gia tố tụng để xác minh làm rõ trách nhiệm và ý chí của ông T1, ông S, ông Nghiêm, bà Mỹ Ph có nợ ông M và đồng ý cho bà P thay mặt trả nợ cho ông M hay không. Nếu bà P đồng ý trả nợ thay cho ông M thì ông T1, ông S, ông Nghiêm, bà Mỹ Ph có đồng ý trả lại tiền cho bà P hay không đồng ý? hay yêu cầu trả cho ông M để thực hiện đúng theo quy định tại Điều 370 Bộ luật Dân sự 2015 về Chuyển giao nghĩa vụ: “1. Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có nghĩa vụ hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ; ...” và cũng để làm rõ ngoài số nợ gốc thì 04 người này có nợ lãi của ông M hay không? Và trong số tiền 2,2 tỷ đồng bà P xác nhận nợ có tiền lãi của 04 người này hay không?

[6] Ngoài ra, tại khoản 4 của hợp đồng cho vay tiền (Thế chấp bằng giá trị quyền sử dụng đất) ngày 30/6/2016 giữa ông Nguyễn Văn M và bà Đinh Thị Ngọc P quy định về thỏa thuận vay nợ thì số tiền vay đã được các bên viết tay sửa lại, cụ thể trước đó số tiền vay là 1.200.000.000 đồng nhưng sau đó đã được viết tay sửa thành 2.200.000.000 đồng (Hai tỉ hai trăm triệu đồng), ngay tại vị trí sửa có chữ ký của bà P bên dưới, ngoài ra không có ghi ngày tháng năm sửa cũng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ.

[7] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của bà P xác định số tiền 2.200.000.000 (hai tỷ hai trăm triệu) đồng là do sau khi bà P trả lãi cho ông M 1.000.000.000 đồng vào ngày 31/10/2018 thì bà P có đề nghị ông M trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H3 là mẹ bà P đứng tên và bà P đã thế chấp cho ông M để vay 1.200.000.000 đồng nên bị ông M ép phải đồng ý sửa số tiền 1.200.000.000 đồng thành 2.200.000.000 đồng là có tiền nợ lãi và nợ gốc được ghi tại hợp đồng bản chính để phòng trường hợp bà P không đóng lãi sẽ trở thành nợ gốc. Xét thấy, hợp đồng cho vay tiền ngày 30/6/2016 giữa ông Nguyễn Văn M và bà Đinh Thị Ngọc P có thế chấp bằng giá trị quyền sử dụng đất đối với phần đất 2.786,6m² thuộc thửa đất số 140, tờ bản đồ số 19 tại huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 9394954 do Ủy ban Nhân dân huyện Củ Chi cấp ngày 23/11/2015. Tại trang cuối cùng của hợp đồng bản chính do nguyên đơn đối chiếu tại phiên tòa, bà P xác nhận vào ngày 01/11/2018 với nội dung nhận lại Giấy chứng nhận đã thế chấp và xác nhận nợ ông M 2.200.000.000 đồng, trong đó có nợ gốc và nợ lãi chưa được cấp sơ thẩm làm rõ. Tòa án cấp sơ thẩm cũng không thu thập chứng cứ, tiến hành đối chất các khoản vay về tiền lãi và tiền

gốc, về việc khi vay giữa bà P và ông M có việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên để ghi thêm vào hợp đồng từ vay 1.200.000.000 đồng thành 2.200.000.000 đồng hay không để xác định số tiền vay ghi thêm trong hợp đồng xuất phát từ khoản vay nào hay khoản tiền lãi của khoản vay nào?

[8] Từ các nhận định trên, xét thấy các tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, để đảm bảo thẩm quyền hai cấp xét xử theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần phải hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm để cấp sơ thẩm xác minh thu thập chứng cứ giải quyết lại vụ án như đã nhận định trên theo trình tự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do đó, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

[9] Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là không có cơ sở, nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[10] Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

[11] Án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Đinh Thị Ngọc P và ông Lê Văn N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Đinh Thị Ngọc P và ông Lê Văn N; Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 1104/2022/DS-ST ngày 22/6/2022 của Tòa án Nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án Nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

3. Án phí Dân sự phúc thẩm: Đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho bị đơn bà Đinh Thị Ngọc P 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0050242 ngày 21/7/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả lại cho bị đơn ông Lê Văn N 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0050243 ngày 21/7/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án Nhân dân Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Bình Thạnh;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Quỳnh Châu



HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hương

Uông Văn Tuấn

Trần Thị Quỳnh Châu